TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LỮ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2024
"*Về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đoàn Mạnh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Hiển và bà Vũ Thị Toan.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa*:** Bà Đào Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; HKTT: Thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ: Phố Mới AV, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên *"có đơn xét xử vắng mặt"*

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân B, sinh năm 1991; HKTT: Thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên *"vắng mặt"*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Cháu Đỗ Thảo V, sinh ngày 24/5/2015
Cháu Đỗ Phương N, sinh ngày 06/11/2019
Người đại diện hợp pháp cho cháu V, Nhi là anh Đỗ Xuân B và chị Nguyễn Thị H - Bố, mẹ đẻ cháu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân B có đăng ký kết hôn tại UBND xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/11/2014. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh B không quan tâm tới vợ con và làm ảnh hưởng tới kinh tế gia đình. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Hiện tại chị đang ở trên nhà mẹ đẻ còn anh B đi làm theo công trình nay chỗ này mai chỗ khác và chỉ liên lạc với chị qua điện thoại. Từ nhiều năm nay, kinh tế của vợ chồng hoàn toàn độc lập, không có sự quan tâm tới nhau và không có nghĩa vụ trách nhiệm gì với nhau trong cuộc sống. Anh B đã biết việc chị làm đơn ly hôn với anh nhưng vẫn cố

tình không lên Tòa án làm việc, gây khó khăn cho chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Thảo V, sinh ngày 24/5/2015, Đỗ Phương N, sinh ngày 06/11/2019. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu N. Chị yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Đỗ Xuân B đến Toà án để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do.

Cháu Đỗ Thảo V có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Người làm chứng ông Đỗ Thế H là bố đẻ của anh Đỗ Xuân B trình bày: Anh B chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào năm 2014. Hôn nhân của anh chị hạnh phúc sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng xảy ra bất đồng trong cuộc sống. Anh B xin đi làm công trình thường xuyên vắng nhà, hai vợ chồng không có sự chăm sóc, quan tâm tới nhau nữa. Khi biết vợ chồng anh B chị H xảy ra mâu thuẫn gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Anh B biết việc chị H xin ly hôn, anh B đồng ý tuy nhiên do đi làm ăn xa nên không về được.

Tại phiên toà hôm nay: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật. Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh B; về con chung: giao cháu Đỗ Thảo V, sinh ngày 24/5/2015 và Đỗ Phương N, sinh ngày 01/11/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi cháu là 1.000.000 đồng/ tháng; Về tài sản chung chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu anh B có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác. Về án phí buộc chị H, anh B phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đỗ Xuân B có hộ khẩu thường trú tại thôn NT, xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Anh B đã được Toà án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AV, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/11/2014 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74/2014; quyển số: 01 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc nên đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị H không còn mong muốn cùng anh B xây dựng một gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc. Nên chị H cương quyết xin ly hôn. Xét yêu cầu của chị H là có cơ sở do vậy áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị H cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên toà.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đỗ Thảo V, sinh ngày 24/5/2015, Đỗ Phương N, sinh ngày 06/11/2019. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu N. Qua lời trình bày người nhà anh B được biết anh B cũng có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá việc giao các con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đánh giá thật khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của các con vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện tại anh B đi làm xa không có nhà, không phải là người trực tiếp thường xuyên chăm sóc các con trong khi đó từ khi các cháu còn nhỏ cho đến nay chủ yếu do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Bên cạnh đó cháu V có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Do vậy, để đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cũng như điều kiện, hoàn cảnh, độ tuổi và tâm sinh lý của các con cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc các con, anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu, kể từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Trường hợp sau khi ly hôn, điều kiện sống của anh B, chị H có sự thay đổi và một trong các bên đương sự đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con thì có quyền khởi kiện vụ án khác để giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4]. Về tài sản chung, công sức, nợ nần: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu anh B có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6]. Các vấn đề khác: Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND huyện Tiên Lữ tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Xuân B.

Về con chung: Giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thảo V, sinh ngày 24/5/2015 và cháu Đỗ Phương N, sinh ngày 06/11/2019 kể từ tháng 7/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng/01 cháu, được tính từ tháng 7 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ nần: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này nếu anh B có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000580 ngày 19/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Xuân B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh B không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKS huyện Tiên Lữ
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ
- UBND xã AV (Đăng ký kết hôn số 74 ngày 09/11/2014)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang